

## KẾT LUẬN

### **Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc quản lý và sử dụng đất đối với 12 doanh nghiệp tại Cụm công nghiệp Thanh Vinh (mở rộng), phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**

Thực hiện Quyết định số 161/QĐ-TTTP ngày 27/8/2025 của Chánh Thanh tra thành phố về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc quản lý và sử dụng đất đối với 12 doanh nghiệp tại Cụm công nghiệp Thanh Vinh (mở rộng), phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại 12 doanh nghiệp (Công ty Cổ phần Xây lắp điện và cơ khí mạ Đà Nẵng; Công ty TNHH MTV Giấy Rạng Đông; Chi nhánh Công ty Khataco tại Đà Nẵng; Doanh nghiệp tư nhân Hùng Thúy; Công ty Cổ phần Nga Tuấn; Công ty TNHH MTV Lê Phong Hưng Phú; Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco; Chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất và Kinh doanh Đức Việt; Công ty Cổ phần kho vận Liên Chiểu Xanh; Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương; Công ty TNHH Thanh Phú; Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung) và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến nội dung thanh tra từ ngày 15/9/2025 đến ngày 17/10/2025. Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 26/BC-ĐTTr ngày 13/11/2025 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra thành phố kết luận như sau:

#### **A. KHÁI QUÁT CHUNG**

Dự án Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng (viết tắt là CCNTV) do Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp Đà Nẵng (viết tắt là Công ty HTKCN Đà Nẵng) làm chủ đầu tư theo Quyết định số 8658/QĐ-UB ngày 28/10/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng. Năm 2006, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 16/01/2006 về việc thay đổi chủ đầu tư, theo đó Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Đà Nẵng C.T Dinco (viết tắt là Công ty Dinco) làm chủ đầu tư CCNTV thay Công ty HTKCN Đà Nẵng. Năm 2007, CCNTV tiếp tục được chuyển sang Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung (viết tắt là Công ty DMT) làm chủ đầu tư theo Quyết định số 6748/QĐ-UBND ngày 28/8/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng. CCNTV được đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng từ năm 2009.

CCNTV tọa lạc tại xã Hòa Sơn và xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng); phía Đông giáp với khu B – Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng; phía Tây giáp với khu dân cư; phía Nam giáp với khu bố trí đơn vị Phòng không Sư đoàn 375; phía Bắc giáp khu dân cư. Tổng diện tích đất quy hoạch (đã được phê duyệt điều chỉnh) là 295.987 m<sup>2</sup>. CCNTV được hình thành với chức năng phát triển sản xuất công



ngành; tiểu thủ công nghiệp mang tính tập trung bao gồm các ngành nghề hoạt động kinh doanh sau: Công nghiệp cơ khí – luyện thép; công nghiệp vật liệu xây dựng – chế biến gỗ; công nghiệp dệt may – nhựa; công nghiệp lắp ráp điện tử; các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khác...

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **I. Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung, chủ đầu tư CCNTV**

#### **1. Hồ sơ pháp lý dự án Cụm công nghiệp Thanh Vinh**

Ngày 28/10/2004, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 8658/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết CCNTV, cụ thể: Tổng diện tích đất quy hoạch: 32,76 ha, trong đó: đất xây dựng nhà máy công nghiệp: 27,51 ha, đất giao thông: 2,57 ha, đất cây xanh: 2,68 ha.

Ngày 15/11/2004, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 12551/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty HTKCN Đà Nẵng thuê đất để xây dựng CCNTV, trong đó: Thu hồi, cho Công ty HTKCN Đà Nẵng thuê toàn bộ diện tích đất 320.760,0 m<sup>2</sup> để xây dựng CCNTV.

Ngày 15/7/2005, UBND thành phố Đà Nẵng có Công văn số 3648/VP về việc chủ trương đầu tư CCNTV, trong đó: Đồng ý về nguyên tắc giao Công ty Dinco làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác quỹ đất CCNTV như đề xuất của Công ty HTKCN Đà Nẵng tại Công văn số 321/CTy-QLDA ngày 21/6/2005.

Ngày 05/9/2005, UBND thành phố Đà Nẵng có Công văn số 4971/UBND-QLĐT về việc triển khai dự án đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng CCNTV, trong đó: Phê duyệt phương án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCNTV do Công ty Dinco làm chủ đầu tư.

Ngày 18/10/2005, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 8030/QĐ-UBND về việc quy định giá đất thô để thu tiền giao quyền sử dụng đất cho Công ty Dinco.

Ngày 08/12/2005, Công ty HTKCN Đà Nẵng và Công ty Dinco ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 01/2005/HĐ-CQSDDCTV chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất có diện tích 327.600 m<sup>2</sup> tại thôn An Nghĩa, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng dự án CCNTV.

Ngày 16/01/2006, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 381/QĐ-UBND về việc thay đổi tên chủ đầu tư tại Quyết định số 8658/QĐ-UBND ngày 28/10/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng; theo đó chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư CCNTV từ Công ty HTKCN Đà Nẵng sang Công ty Dinco.

Ngày 20/3/2006, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 1729/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết phân lô CCNTV, cụ thể: Sau khi điều chỉnh, tổng diện tích quy hoạch là 326.451 m<sup>2</sup>, trong đó đất công nghiệp khu A: 88.252 m<sup>2</sup>, đất công nghiệp khu B: 88.158 m<sup>2</sup>, đất công nghiệp khu C: 108.469 m<sup>2</sup>, đất cây xanh: 11.618 m<sup>2</sup>, đất giao thông: 29.954 m<sup>2</sup>.

Ngày 18/05/2006, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 3117/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết phân lô CCNTV, sau khi điều chỉnh: CCNTV có tổng diện tích quy hoạch là 295.987 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích đất công nghiệp: 255.070 m<sup>2</sup>; diện tích đất cây xanh: 10.963 m<sup>2</sup>; diện tích đất giao thông: 29.954 m<sup>2</sup>.

Ngày 12/6/2006, Công ty HTKCN Đà Nẵng và Công ty Dinco ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2005/HĐ-CQSDĐ, cụ thể: Điều chỉnh giảm diện tích chuyển quyền sử dụng lô đất từ 327.600 m<sup>2</sup> xuống còn 295.987 m<sup>2</sup> (theo phê duyệt điều chỉnh tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết phân lô CCNTV), điều chỉnh giá cả hợp đồng và phương thức thanh toán.

Ngày 01/9/2006, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 5955/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Dinco sử dụng để đầu tư CCNTV, thu hồi và giao toàn bộ khu đất có diện tích 295.987 m<sup>2</sup> tại xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho Công ty Dinco sử dụng để đầu tư CCNTV.

Ngày 21/12/2007, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 10194/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư tại Quyết định số 5955/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng, Công ty Dinco được thay thế thành Công ty DMT.

Ngày 28/8/2009, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 6646/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Phân khu C8 CCNTV: điều chỉnh chia lô C8 thành 03 lô để bố trí cho các doanh nghiệp.

Ngày 26/11/2009, Công ty HTKCN Đà Nẵng, Công ty Dinco và Công ty DMT ký Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ, cụ thể: điều chỉnh tên bên nhận chuyển quyền sử dụng đất theo Quyết định số 6748/QĐ-UBND ngày 28/8/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng, Công ty DMT có trách nhiệm thanh toán giá trị chuyển quyền sử dụng đất còn lại là 7.165.123.000 đồng.

Ngày 09/7/2010, Công ty HTKCN Đà Nẵng và Công ty DMT ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ, cụ thể: Điều chỉnh diện tích đất CCN là 295.987 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất công nghiệp là 255.070 m<sup>2</sup>, diện tích đất hạ tầng kỹ thuật là 40.917 m<sup>2</sup> (Không thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo Quyết định số 331/UBND-KTTH ngày 16/01/2010 về việc phê duyệt giá trị sử dụng đất không thu tiền đối với diện tích hạ tầng kỹ thuật dùng chung tại CCNTV).

Ngày 01/09/2010, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 6631/QĐ-UBND về việc phê duyệt Sơ đồ ranh giới sử dụng đất dự án điều chỉnh CCNTV (khu vực Công ty CP Dana Ý).

Như vậy, CCNTV có tổng diện tích mặt bằng theo quy hoạch điều chỉnh là 295.987 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích đất công nghiệp: 270.366 m<sup>2</sup> gồm 61 thửa đất; diện tích đất cây xanh: 5.350 m<sup>2</sup>; diện tích đất giao thông: 20.271 m<sup>2</sup>.

Ngày 19/10/2010, Công ty HTKCN Đà Nẵng và Công ty DMT ký Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ, cụ thể: điều chỉnh và bổ sung một số nội dung liên quan đến diện tích các loại đất sau phê duyệt điều chỉnh theo Quyết định số 6631/QĐ-

UBND ngày 01/9/2010 của UBND thành phố (Diện tích mới: 295.987 m<sup>2</sup>, trong đó: diện tích đất công nghiệp: 270.366 m<sup>2</sup>, diện tích đất cây xanh: 5.350 m<sup>2</sup>, diện tích đất giao thông: 20.271 m<sup>2</sup>) và điều chỉnh số tiền sử dụng đất bên B phải nộp thêm cho bên A sau khi điều chỉnh một phần đất giao thông và đất cây xanh thành đất công nghiệp là 1.070.720.000 đồng.

Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Hòa Vang tại Tờ trình số 361/TTr-UBND ngày 19/10/2015 và Sở Công thương tại Tờ trình số 2112/TTr-SCT ngày 06/12/2016, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 8615/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc thành lập CCNTV. Theo đó, CCNTV hoạt động theo Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quy chế phối hợp quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 10899/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND thành phố Đà Nẵng.

## **2. Tình hình triển khai thực hiện dự án Cụm công nghiệp Thanh Vinh**

### **a) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng**

Qua kiểm tra thực tế, Chủ đầu tư đã thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng tại CCNTV. Theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho thấy:

Tại Công văn số 4971/UBND-QLĐTư ngày 05/9/2005 của UBND thành phố Đà Nẵng *V/v triển khai dự án đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng*, yêu cầu chủ dự án phải thực hiện chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền đền bù đối với diện tích xây dựng dự án, UBND thành phố giao cho Công ty HTKCN Đà Nẵng thực hiện kiểm định, áp giá đền bù và bố trí tái định cư tại Khu tái định cư Hòa Liên theo quy định.

Ngày 28/11/2005, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 9088/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư dự án CCNTV (33ha) thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; theo đó, giao UBND huyện Hòa Vang ban hành các quyết định thu hồi đất quản lý sử dụng của các tổ chức, cá nhân trong diện giải tỏa, Công ty HTKCN Đà Nẵng thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ giải tỏa và quyết toán đúng theo quy định.

Ngày 27/7/2007, Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng có Thông báo số 194/TB-VP về việc thu hồi kinh phí do ngân sách thành phố chi cho việc đền bù giải tỏa xây dựng CCNTV, cụ thể: Giao Công ty HTKCN Đà Nẵng làm việc với Công ty Dinco để thu hồi khoản kinh phí 2.616.833.720 đồng do ngân sách thành phố chi (đến ngày 31/12/2005) cho việc đền bù giải tỏa dự án CCNTV.

Theo Biên bản bàn giao thay đổi chủ đầu tư ngày 31/10/2008 giữa Công ty Dinco và Công ty DMT, trong đó giá trị đầu tư dở dang của Công ty Dinco chuyển sang Công ty DMT theo dõi có tổng chi phí đã thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là 4.441.351.170 đồng (bao gồm số tiền tạm ứng cho Công ty HTKCN Đà Nẵng về khoản chi hộ đền bù và chi phí liên quan công tác chuẩn bị đầu tư là 1.750.000.000 đồng, số tiền tạm ứng cho Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư

xây dựng TP Đà Nẵng là 1.500.000.000 đồng, số tiền chi đền bù trực tiếp cho dân là 1.191.351.170 đồng).

b) Tình hình thực hiện đầu tư hạ tầng dự án Cụm công nghiệp Thanh Vinh

Ngày 24/11/2005, Công ty Dinco ban hành Quyết định số 04/QĐ về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật CCNTV với các nội dung sau:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng.
- Chủ đầu tư: Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Đà Nẵng C.T.
- Mục tiêu dự án: Hình thành cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sản xuất, dịch vụ; Tiếp nhận một số doanh nghiệp giải tỏa, di dời trong nội thành theo quy hoạch của thành phố; Tăng thêm nguồn thu cho ngân sách, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động; Lập được kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tạo môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới phù hợp với sự phát triển khu vực.
- Quy mô đầu tư gồm: San nền, giao thông, thoát nước, cấp nước, cây xanh và vệ sinh môi trường, cấp điện.
- Diện tích sử dụng đất: 32,76 ha.
- Cấp công trình: Cấp II.
- Tổng mức đầu tư: 53.646.213.000 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn huy động từ các cổ đông và vốn vay.
- Hình thức quản lý dự án: Khai thác quỹ đất.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2005 – 2007.

Theo Biên bản bàn giao thay đổi chủ đầu tư ngày 31/10/2008 giữa Công ty Dinco và Công ty DMT cho thấy:

- Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện đến năm 2008 là 15.982.154.053 đồng; trong đó:
  - + Chi phí xây dựng hạ tầng: 2.260.227.762 đồng;
  - + Chi phí di dời đường dây trung thế: 556.749.000 đồng;
  - + Chi phí KTCB khác: 812.412.667 đồng;
  - + Chi phí khác: 2.352.764.604 đồng.
- Tổng chi phí đã thực hiện công tác bồi thường là 4.441.351.170 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy: Hiện nay, toàn bộ hạ tầng kỹ thuật CCNTV đã được đầu tư hoàn thiện, đưa vào sử dụng và cơ bản bố trí lấp đầy cho các doanh nghiệp xây dựng nhà xưởng hoạt động sản xuất.

c) Tình hình sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc Cụm công nghiệp Thanh Vinh

*\* Tình hình quản lý sử dụng đất*

- Tổng diện tích đất quy hoạch tại CCNTV (sau phê duyệt điều chỉnh) là 295.987 m<sup>2</sup>; trong đó:

- + Diện tích đất công nghiệp: 270.366 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích đất cây xanh: 5.350 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích đất giao thông: 20.271 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích đất công nghiệp đã chuyển nhượng: 255.872/270.366 m<sup>2</sup>, đạt 95%.
- Tổng diện tích đất chưa sử dụng là 14.494 m<sup>2</sup>, lý do: Chưa có nhà đầu tư, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng diện tích đất này để sản xuất, kinh doanh. Hiện nay do Công ty DMT đang quản lý sử dụng.

Ngày 02/10/2025, Đoàn thanh tra đã phối hợp với Công ty DMT kiểm tra ranh giới, mốc giới diện tích đất CCNTV. Qua kiểm tra cho thấy:

- Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp với khu B – KCN Hòa Khánh mở rộng; phía Tây giáp với khu dân cư thôn Vân Dương 1,2; phía Nam giáp với đất quốc phòng; phía Bắc giáp với đường Nguyễn Tất Thành.

- Vị trí tọa độ các mốc giới được xác định phù hợp với hiện trạng khu đất và bản đồ quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 3117/QĐ-UBND ngày 18/5/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng. Các cạnh ranh giới CCNTV có kết quả phù hợp với kích thước trong sơ đồ ranh giới được phê duyệt. Toàn bộ khu đất đã được giải phóng mặt bằng, phân lô chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để sản xuất kinh doanh.

*\* Tình hình cấp giấy CNQSDĐ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất*

- Tình hình cấp giấy CNQSDĐ

- + Sau khi Công ty Dinco được UBND thành phố Đà Nẵng giao đất có thu tiền sử dụng đất (theo giá đất thô) tại dự án CCNTV để đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng theo Quyết định số 5955/QĐ-UBND ngày 01/9/2006, Công ty Dinco đã đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất đã nộp tiền sử dụng đất. Ngày 27/12/2006, UBND thành phố Đà Nẵng cấp 18 Giấy CNQSD đất cho Công ty Dinco đối với 18 lô (Gồm: Lô A1 đến lô A9, lô B1 đến lô B9) với tổng diện tích 88.354 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đất là Lâu dài. Năm 2008, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố đã chỉnh lý chủ sử dụng đất sang Công ty DMT tại 18 GCNQSDĐ nêu trên.

- + Sau khi Công ty DMT nhận nhiệm vụ chủ đầu tư, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Công ty Dinco để tiếp tục đầu tư CCNTV, UBND thành phố Đà Nẵng đã cấp 43 Giấy chứng nhận QSD đất đối với 43 lô đất tại CCNTV, cụ thể:

Ngày 25/6/2008, UBND thành phố Đà Nẵng cấp 24 Giấy chứng nhận cho Công ty DMT đối với 24 lô (Gồm: Lô A10 đến lô A18, lô B14, C6 đến lô C19) với tổng diện tích 97.158 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đất là Lâu dài.

Ngày 18/9/2009, UBND thành phố Đà Nẵng cấp 03 Giấy chứng nhận cho Công ty DMT đối với 3 lô (C-8A, C-8B, C-8C) với tổng diện tích 3.500 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đất là Lâu dài.

Ngày 25/12/2009, UBND thành phố Đà Nẵng cấp 15 Giấy chứng nhận cho Công ty DMT đối với 16 lô (Gồm: Lô B10 đến lô B13, lô B15 đến lô B18, lô C1 đến lô C5, lô C20 đến lô C22) với tổng diện tích 69.558 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đất là Lâu dài.

Ngày 25/01/2011, UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận cho Công ty DMT đối với thửa đất số 941 (thửa đất được điều chỉnh ranh giới theo Quyết định số 6631/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng), tờ bản đồ số 19 với tổng diện tích 15.296m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đất là Lâu dài.

- Tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại CCNTV:
- + Tổng số lô đã cấp Giấy CNQSDĐ: 61 lô;
- + Tổng số lô đã chuyển nhượng là 58/61 lô cho 15 doanh nghiệp;
- + Tổng số lô chưa chuyển nhượng, hiện nay Công ty DMT đang quản lý, sử dụng: 03 lô (B7, B8, B9).

Qua kiểm tra cho thấy:

- UBND thành phố Đà Nẵng đã cấp 61 Giấy CNQSDĐ cho Công ty Dinco, Công ty DMT đối với các lô đất tại CCNTV với thời hạn sử dụng đất Lâu dài là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai năm 2003<sup>(1)</sup>.

- Tính đến hiện nay, tại CCNTV có 16 doanh nghiệp sử dụng đất với tổng diện tích đất 270.366 m<sup>2</sup> (trong đó có 14.494 m<sup>2</sup> do Công ty DMT trực tiếp quản lý sử dụng), có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các doanh nghiệp đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy CNQSDĐ (*Chi tiết Phụ lục đính kèm*). Đến thời điểm thanh tra có 08/16 doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất sang 50 năm tại 11 Giấy chứng nhận được cấp, còn lại 08/16 doanh nghiệp chưa thực hiện chỉnh lý thời hạn sử dụng đất đối với 50 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ lâu dài sang 50 năm là chưa đảm bảo quy định pháp luật.

- CCNTV nằm trong khu vực được điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất từ năm 2021 (theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và được điều chỉnh tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 và Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng). Tuy nhiên, đến nay quy hoạch này vẫn chưa triển khai thực hiện, gây khó khăn cho các doanh nghiệp đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong CCNTV.

### **3. Việc chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường**

Trên cơ sở Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 02/6/2006 của Công ty Dinco và Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 15/6/2006, Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số

<sup>(1)</sup> 3. Thời hạn giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức kinh tế để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân để sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ chức kinh tế để thực hiện các dự án đầu tư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam được xem xét, quyết định trên cơ sở dự án đầu tư hoặc đơn xin giao đất, thuê đất nhưng không quá năm mươi năm; đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà cần thời hạn dài hơn thì thời hạn giao đất, cho thuê đất là không quá bảy mươi năm.

238/QĐ-STNMT ngày 07/7/2006 về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Hạ tầng kỹ thuật CCNTV”. Theo đó, CCNTV “Chỉ được tiếp nhận các dự án đầu tư thuộc các ngành công nghiệp như đã đăng ký trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; các dự án đầu tư vào khu công nghiệp phải tiến hành làm thủ tục môi trường theo quy định và trong quá trình hoạt động phải đảm bảo: Có biện pháp và hệ thống thiết bị thích hợp để xử lý khí thải đạt TCVN; các loại chất thải rắn phải được thu gom và xử lý triệt để; Các nguồn nước thải phải được thu gom và xử lý đạt TCVN 5945-1995 và TCVN 6984-2001 trước khi thải vào cống chung của cụm công nghiệp. Quy hoạch cây xanh hợp lý với ít nhất 25% diện tích đất của khu công nghiệp”.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại CCNTV đa số không có hồ sơ về môi trường; nguồn nước thải không được thu gom và xử lý đạt TCVN 5945-1995 và TCVN 6984-2001 trước khi thải vào đường ống chung của cụm công nghiệp.

- Tổng diện tích đất quy hoạch tại CCNTV là 295.987 m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 6631/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của UBND thành phố); trong đó: Diện tích đất cây xanh là 5.350 m<sup>2</sup>, chiếm 1,81% so với tổng diện tích đất quy hoạch. Như vậy, diện tích đất cây xanh quy hoạch không đúng theo tỷ lệ quy định là 25% (theo Quyết định số 238/QĐ-STNMT ngày 07/7/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố).

#### **4. Tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai**

a) Việc xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất:

Ngày 16/9/2005, Công ty HTKCN Đà Nẵng có Tờ trình số 566/TTr-Cty về việc đề xuất giá đất để chuyển quyền sử dụng đất tại CCNTV với giá đất đề xuất là 70.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Trên cơ sở Tờ trình số 566/TTr-Cty ngày 16/9/2005 của Công ty HTKCN Đà Nẵng và đề xuất của Hội đồng định giá đất thành phố (tại Biên bản cuộc họp Hội đồng định giá đất ngày 16/9/2005), Sở Tài chính có Tờ trình số 3089/TC-GCS ngày 23/9/2005 về việc đề xuất giá đất thô để chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty Dinco, trong đó:

- Giá đất: Lô đất có vị trí tương đương với đất vào đường từ 3,5m đến dưới 5m thuộc thôn An Ngãi, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang. Căn cứ Quyết định số 212/2004/QĐ-UB ngày 28/12/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng thì đất thuộc vị trí 3 (ba), khu vực 1 miền núi, hệ số 1,1 là 143.000 đồng/m<sup>2</sup> x 0,7 (hệ số đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) x 70% (hệ số sử dụng đất) bằng 70.070 đồng/m<sup>2</sup> lấy tròn 70.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tổng số tiền đơn vị phải nộp vào Ngân sách nhà nước là 327.600 m<sup>2</sup> x 70.000 đồng/m<sup>2</sup> = 22.932.000.000 đồng.

- Về phân kỳ nộp tiền: Theo văn bản của UBND thành phố chỉ đạo phân kỳ nộp tiền là 18 tháng tức đến Quý 1/2007, theo đề nghị của Công ty Dinco tại Văn bản số 15/TT-CT ngày 08/9/2005 đây là dự án đầu tư kết cấu kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp do đó phải có thời gian và điều kiện ban đầu để đầu tư nên Công

ty đề nghị phân kỳ nộp 3 năm. Do đó, Hội đồng thống nhất đề xuất thời gian phân kỳ nộp tiền vào ngân sách thêm 6 tháng cụ thể như sau: Đợt 1 Quý 4/2005 nộp 30%; Đợt 2 Quý 3/2006 nộp 30%; Đợt 3 Quý 4/2007 nộp 40%.

Ngày 18/10/2005, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 8030/QĐ-UBND về việc quy định giá đất thô để thu tiền giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Dingo với đơn giá là 70.000 đồng/m<sup>2</sup>. Công ty có nghĩa vụ nộp đủ vào Ngân sách Nhà nước tiền sử dụng đất trong vòng 3 năm gồm Quý 4 năm 2005 nộp 30% trên tổng số tiền sử dụng đất; Quý 3 năm 2006 nộp 30% trên tổng số tiền sử dụng đất và Quý 4 năm 2007 nộp số tiền còn lại.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Trên cơ sở phương án giá đất của Hội đồng xác định giá đất thành phố, Sở Tài chính trình UBND thành phố phương án giá đất để thu tiền sử dụng đất thuộc CCNTV. Thanh tra thành phố nhận thấy: Việc xác định khu vực, vị trí, hệ số theo khung, bảng giá đất, đơn giá đất và hệ số đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là đúng theo Quyết định số 212/2004/QĐ-UB ngày 28/12/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng và đảm bảo theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng hệ số sử dụng đất (70%) theo như phương án giá đất là chưa đảm bảo cơ sở. Qua làm việc với Sở Tài chính thành phố vào ngày 28/10/2005 xác nhận: Do việc xác định giá đất diễn ra quá lâu từ năm 2005 và khi đó các cơ chế, chính sách trong việc giao đất để thực hiện CCN vẫn còn chưa rõ ràng, cụ thể. Mặt khác, việc xác định đơn giá đất để thu tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước trong điều kiện khi chưa xác định đúng, đủ các chi phí, nhất là chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật của dự án CCNTV do chủ đầu tư thực hiện và không được khấu trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp do giao đất thô.

- UBND thành phố Đà Nẵng giao Công ty HTKCN Đà Nẵng thực hiện thu nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách là không đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.<sup>(2)</sup>

#### b) Việc nộp tiền sử dụng đất

Ngày 15/11/2004, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 12551/QĐ-UB về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty HTKCN Đà Nẵng thuê đất để xây dựng CCNTV: Trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất và Cục thuế thành phố có trách nhiệm áp giá để tính và thu tiền thuê đất nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền phải nộp nhận quyền sử dụng đất toàn bộ dự án là 18.925.620.000 đồng (*Giá đất để thu tiền sử dụng đất căn cứ theo Quyết định số 8030/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của UBND thành phố Đà Nẵng*), cụ thể như sau:

<sup>(2)</sup> **Điều 16.** Trách nhiệm của cơ quan thuế, kho bạc và của người nộp tiền sử dụng đất.

1. Cơ quan thuế:

a) Tính đúng, tính đủ, thông báo nộp tiền sử dụng đất và các khoản thu khác đúng thời hạn;

2. Cơ quan kho bạc:

a) Thu đủ số tiền sử dụng đất và các khoản nộp khác vào Kho bạc Nhà nước ngay trong ngày nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính;

| S<br>T<br>T   | Thời gian<br>phân kì<br>nộp tiền | Đơn vị<br>nộp tiền | Số tiền<br>(1.000đ) | Chứng từ                               | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------|----------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1             | Đặt cọc                          | Công ty<br>Dinco   | 458.640             | LCC số<br>000014<br>ngày<br>08/12/2005 | Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất số<br>01/2005/HĐ-CQSDĐCTV ngày 8/12/2005<br>giữa Công ty HTKCN Đà Nẵng và Công ty<br>Dinco (Số tiền phải nộp theo Hợp đồng:<br>327.600 m <sup>2</sup> x 70.000 đ/m <sup>2</sup> = 22.932.000.000<br>đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2             | Đợt 1<br>(30%)                   |                    | 6.879.600           | LCC số<br>000003<br>ngày<br>3/1/2006   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3             | Đợt 2<br>(30%)                   |                    | 6.215.727           | LCC số<br>000034<br>ngày<br>31/5/2007  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| CÔNG TY DINCO |                                  |                    | 13.553.967          |                                        | Công ty Dinco đã nộp tổng số tiền<br>13.553.967.000 đồng (có Biên bản xác nhận<br>thanh toán ngày 04/10/2007 giữa Công ty<br>HTKCN Đà Nẵng và Công ty Dinco); Công ty<br>DMT có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại là<br>7.165.123.000 đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4             | Đợt 3 (số<br>tiền còn<br>lại)    | Công ty<br>DMT     | 4.300.933           | UNC số<br>119 ngày<br>02/12/2009       | - QĐ số 4645/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của<br>UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt<br>giá trị sử dụng đất không thu tiền đối với diện<br>tích hạ tầng kỹ thuật dùng chung tại CCN<br>Thanh Vinh mở rộng (không thu tiền đối với<br>diện tích sử dụng chung: 40.917 m <sup>2</sup> x 70.000<br>đ/m <sup>2</sup> = 2.864.190.000 đồng)<br>- Phụ lục HĐ chuyển quyền sử dụng đất số<br>03/PLHĐ đã ký ngày 09/07/2010 giữa Công ty<br>HTKCN Đà Nẵng và Công ty DMT (Số tiền<br>phải nộp: 255.070 m <sup>2</sup> x 70.000 đ/m <sup>2</sup><br>=17.854.900.000 đồng) |
| 5             | Đợt 3<br>(điều<br>chỉnh)         | Công ty<br>DMT     | 1.070.720           | UNC<br>không số<br>ngày<br>20/12/2010  | Phụ lục HĐ chuyển quyền sử dụng đất số<br>04/PLHĐ đã ký ngày 19/10/2010 giữa Công ty<br>HTKCN Đà Nẵng và Công ty DMT (Số tiền<br>phải nộp do điều chỉnh quy hoạch từ đất cây<br>xanh và đất giao thông chuyển qua đất công<br>nghiệp: 15.296 m <sup>2</sup> x 70.000 đ/m <sup>2</sup> =<br>1.070.720.000 đồng)                                                                                                                                                                                                                                                  |
| CÔNG TY DMT   |                                  |                    | 5.371.635           |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| TỔNG CỘNG     |                                  |                    | 18.925.620          |                                        | Tất cả số tiền sử dụng đất nộp vào tài khoản<br>ngân hàng của Công ty HTKCN Đà Nẵng tại<br>Kho bạc nhà nước Đà Nẵng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu có liên quan cho thấy:

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã không tiến hành ký hợp đồng thuê đất với Công ty HTKCN Đà Nẵng; Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã không tính và thu tiền thuê đất của Công ty HTKCN Đà Nẵng theo quy định tại Quyết định số 12551/QĐ-UB ngày 15/11/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho phép kéo dài thời hạn nộp và đồng ý không tính tiền phạt nộp chậm tiền sử dụng đất CCNTV tại Công văn số 7433/UBND-QLĐTH ngày 12/11/2009 là không đúng quy định tại Điều 67 Luật Quản lý thuế 2006<sup>(3)</sup> và Điều 4 Mục III Phần E Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 24/6/2007 của Bộ Tài chính<sup>(4)</sup>. Đối với việc kéo dài và không tính tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất đã được Thanh tra Chính phủ kết luận và kiến nghị tại Kết luận thanh tra số 2852/KL-TTCTP ngày 02/11/2012.

#### c) Việc quản lý tiền sử dụng đất

Công ty HTKCN Đà Nẵng hoạt động theo cơ chế tài chính quy định tại Quyết định số 15642/QĐ-UB của UBND thành phố Đà Nẵng ngày 14/11/2000; Công ty thu tiền sử dụng đất từ các chủ đầu tư và thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước với tổng số tiền sử dụng đất là 18.925.620.000 đồng (*tại các Ủy nhiệm chi: Số 15/5 ngày 13/12/2005 số tiền 458.640.000 đồng; số 01/06 ngày 09/01/2006 số tiền 6.879.600.000 đồng; số 04/07 ngày 06/6/2007 số tiền 6.215.727.000 đồng, số 19/09 ngày 03/12/2009 số tiền 4.300.933.000 đồng và số 10/10 ngày 28/12/2010 số tiền 1.070.720.000 đồng*).

d) Đối với nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chủ đầu tư cho các doanh nghiệp:

Đoàn thanh tra không kiểm tra chi tiết và xác minh về giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chủ đầu tư. Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty DMT không có nợ thuế và đã được Cục Thuế thành phố Đà Nẵng xác nhận tại Công văn số 22/CTDAN-QLN ngày 03/01/2025.

**II. Đối với 11 doanh nghiệp quản lý, sử dụng đất** (*Công ty Cổ phần Xây lắp điện Đà Nẵng, Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Khatoco tại Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Nga Tuấn, Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng Dinco, Công ty TNHH Thanh Phú, Công ty TNHH MTV Giấy Rạng Đông, Doanh nghiệp tư nhân*

#### <sup>(3)</sup> Điều 67. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính xóa nợ tiền thuế, tiền phạt đối với các trường hợp theo quy định tại Điều 65 của Luật này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Quốc hội số tiền thuế, tiền phạt đã được xóa hàng năm khi Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách nhà nước.

#### <sup>(4)</sup> 4. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền phạt và báo cáo Quốc hội:

4.1. Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền Tổng cục trưởng Tổng cục thuế xem xét hồ sơ và ra quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền phạt theo quy định tại khoản 1 mục này. Quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền phạt phải bao gồm các nội dung: - Tên người nộp thuế được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt; - Số tiền thuế được xóa nợ tương ứng với loại thuế và kỳ tính thuế hoặc thời gian phát sinh số thuế; - Số tiền phạt được xóa nợ; - Cơ quan thuế có trách nhiệm chấp hành quyết định.

4.2. Trên cơ sở quyết định xóa nợ, cơ quan thuế quản lý số tiền thuế nợ, tiền phạt được xóa nợ có trách nhiệm tổng hợp vào sổ quyết toán thu Ngân sách năm, đồng thời thông báo với cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trong báo cáo quyết toán Ngân sách của địa phương.

4.3. Tổng cục trưởng Tổng cục thuế có trách nhiệm tổng hợp số tiền thuế, tiền phạt đã xóa nợ theo quyết toán Ngân sách các cấp trình Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Quốc hội khi Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách nhà nước.

*Hùng Thúy, Công ty TNHH MTV Lê Phong Hưng Phú, Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Đức Việt, Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương và Công ty Cổ phần Kho vận Liên Chiêu Xanh)*

### **1. Thủ tục pháp lý về thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Các doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại CCNTV từ Công ty DMT đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp GCNQSD đất với thời hạn sử dụng lâu dài. Các doanh nghiệp thực hiện đầu tư xây dựng các công trình trên đất và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cho các đơn vị khác thuê lại đất (riêng Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương chưa đưa đất vào sử dụng).

Qua kiểm tra cho thấy: 05 doanh nghiệp/11 doanh nghiệp sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất từ lâu dài sang thời hạn sử dụng đất 50 năm tại 05 GCNQSDĐ được cấp; gồm: Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Khatoco tại Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV Giấy Rạng Đông, Doanh nghiệp tư nhân Hùng Thúy, Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương và Công ty Cổ phần Kho vận Liên Chiêu Xanh.

### **2. Việc chấp hành nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với ngân sách nhà nước**

- Về thuế sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 11 doanh nghiệp đã kê khai và nộp thuế đảm bảo theo quy định.

- Về phí sử dụng hạ tầng: Đa số các doanh nghiệp đã nộp phí sử dụng hạ tầng cho Công ty DMT đầy đủ. Tuy nhiên đến tháng 9/2025, Công ty Cổ phần xây lắp điện và cơ khí mạ Đà Nẵng còn nợ phí sử dụng hạ tầng với tổng số tiền là 138.715.367 đồng. Một vài doanh nghiệp không nộp phí sử dụng hạ tầng với lý do tại vị trí đất Công ty sử dụng, mặt đường bị xuống cấp nghiêm trọng nhưng không được đầu tư, sửa chữa hoặc doanh nghiệp chưa thực hiện đầu tư xây dựng trên đất: Công ty TNHH Thanh Phú, Công ty Cổ phần Kho vận Liên Chiêu Xanh và Công ty Cổ phần Thực phẩm Nutifood Bình Dương.

### **3. Việc quản lý, sử dụng đất và chấp hành các quy định về đầu tư, xây dựng dự án**

Qua kiểm tra thực tế tại hiện trường sử dụng đất cho thấy các doanh nghiệp đã xây dựng nhà xưởng, văn phòng và các công trình khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cho thuê lại trên đất đã nhận chuyển nhượng đúng với ngành nghề đầu tư được quy định tại CCNTV (riêng Công ty Cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất, Công ty đã xây dựng tường rào quanh khu đất nhưng chưa đưa đất vào sử dụng, tại thời điểm kiểm tra là đất trống). Tuy nhiên, việc triển khai đầu tư xây dựng dự án của một số doanh nghiệp chưa tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng, cụ thể:

+ Công ty Cổ phần Xây lắp điện và cơ khí mạ Đà Nẵng xây dựng ngoài giấy phép đã cấp với các hạng mục như: Nhà để xe diện tích 11,8 x 4m; Nhà nghỉ công nhân diện tích 4,8 x 12,1m (khu xưởng mạ); Nhà kho diện tích 7,5 x 9m và

15,2 x 14,5m (khu xưởng mạ); Nhà vệ sinh diện tích 3,65 x 11,3m và Xưởng sản xuất bê tông ly tâm diện tích 4,2 x 5,9m.

+ Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Khatoco tại Đà Nẵng xây dựng ngoài giấy phép đã cấp: Nhà bảo vệ diện tích 3,5 x 3,4m.

+ Có 4 công ty (Công ty Cổ phần Nga Tuấn, Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng Dinco, Công ty TNHH Thanh Phú, Công ty Cổ phần Kho vận Liên Chiêu Xanh) đầu tư dự án không có giấy phép xây dựng.

+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng Dinco ký hợp đồng số 01/HĐMB/2022 ngày 01/01/2022 (Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gia hạn hiệu lực đến ngày 31/12/2030) cho Công ty TNHH MTV bê tông Dufago (là Công ty thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn đầu tư Din Capital) thuê lại lô đất C-20 tại CCNTV để kinh doanh Nhà máy sản xuất bê tông Dufago (đã được xây dựng năm 2009). Công ty TNHH MTV Bê tông Dufago đã xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông Dufago mà không có giấy phép xây dựng và sử dụng diện tích 7.298m<sup>2</sup> để làm bãi tập kết vật liệu ngoài diện tích đã thuê.

#### **4. Về việc chấp hành các quy định có liên quan về môi trường và phòng cháy chữa cháy**

Hầu hết các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên đất đã sổ không có hồ sơ môi trường, không có hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy trừ các đơn vị: Công ty Cổ phần xây lắp điện Đà Nẵng có hợp đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp, xử lý nước thải công nghiệp và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC do cơ quan có thẩm quyền cấp; Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng Dinco có hợp đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp; Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Khatoco tại Đà Nẵng có hợp đồng để xử lý nước thải công nghiệp và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC do cơ quan có thẩm quyền cấp; Công ty Cổ phần Kho vận Liên Chiêu Xanh có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC do cơ quan có thẩm quyền cấp.

### **C. KẾT LUẬN**

#### **I. Ưu điểm**

CCNTV được thành lập, đầu tư, xây dựng phù hợp với quy hoạch, gắn liền với quy hoạch của khu vực và hướng phát triển chung của Khu công nghiệp Hòa Khánh; gắn kết với quy hoạch phát triển hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của vùng. CCNTV đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sản xuất, dịch vụ; tiếp nhận một số doanh nghiệp giải tỏa, di dời trong nội thành theo quy hoạch phát triển công nghiệp của thành phố. CCNTV đã thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Chủ đầu tư dự án CCNTV đã thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư, xây dựng hoàn thiện hạ tầng, đưa vào sử dụng và cơ bản bố trí lấp đầy cho các doanh nghiệp xây dựng nhà xưởng hoạt động sản xuất từ những năm 2011.

Bên cạnh đó, CCNTV hình thành, đi vào hoạt động đã giúp tăng thêm nguồn thu cho ngân sách, tạo việc làm ổn định cho người lao động trực tiếp tại các nhà máy và nhiều lao động gián tiếp (dịch vụ, buôn bán...) phục vụ cho CCN.

Việc khai thác và sử dụng quỹ đất tại CCNTV một cách hợp lý tạo môi trường không gian phù hợp với sự phát triển của khu vực, góp phần vào thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của khu vực Tây – Bắc của thành phố nói riêng và của thành phố Đà Nẵng nói chung.

## **II. Tồn tại, hạn chế**

Tuy nhiên bên cạnh những mặt ưu điểm đạt được, trong quá trình đầu tư xây dựng CCNTV và việc quản lý, sử dụng đất tại CCNTV của các đơn vị vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

### **1. Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung, chủ đầu tư CCNTV**

#### *\* Việc cấp Giấy CNQSDĐ*

- UBND thành phố Đà Nẵng đã cấp 61 Giấy CNQSDĐ đất cho Công ty Dingo, Công ty DMT đối với các lô đất tại CCNTV với thời hạn sử dụng đất Lâu dài là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai năm 2003.

- Tính đến thời điểm thanh tra có 07/16 doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất từ Lâu dài sang 50 năm và 09/16 doanh nghiệp chưa thực hiện chỉnh lý thời hạn sử dụng đất từ lâu dài sang 50 năm là chưa đảm bảo quy định pháp luật.

- CCNTV nằm trong khu vực được điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất từ năm 2021, tuy nhiên đến nay dự án chưa triển khai thực hiện gây khó khăn cho các đơn vị sử dụng đất trong CCNTV.

#### *\* Việc chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường*

- Diện tích đất cây xanh quy hoạch là 5.350/295.987 m<sup>2</sup>, chiếm 1,81% là không đúng theo tỷ lệ quy định 25% theo Quyết định số 238/QĐ-STNMT ngày 07/7/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

- Các nguồn nước thải không được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào công chung của Cụm công nghiệp theo yêu cầu tại Quyết định số 238/QĐ-STNMT ngày 07/7/2006 về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Hạ tầng kỹ thuật CCNTV”.

- Các đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại CCNTV đa số không có hồ sơ về môi trường.

#### *\* Việc xác định giá đất và thu tiền sử dụng đất*

- Việc áp dụng hệ số sử dụng đất 70% trong xác định, đề xuất đơn giá đất thô để thu tiền sử dụng đất là chưa đảm bảo cơ sở.

- UBND thành phố Đà Nẵng giao Công ty HTKCN Đà Nẵng thực hiện thu tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách là không đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

#### *\* Việc nộp tiền sử dụng đất*

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã không tiến hành ký hợp đồng thuê đất với Công ty HTKCN Đà Nẵng; Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã không tính và thu tiền

thuê đất của Công ty HTKCN Đà Nẵng theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 12551/QĐ-UB ngày 15/11/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- UBND thành phố Đà Nẵng cho phép kéo dài thời hạn nộp và không tính tiền phạt nộp chậm tiền sử dụng đất CCNTV (theo nội dung Công văn số 7433/UBND-QLĐTH ngày 12/11/2009) là không đúng quy định tại Điều 67 Luật Quản lý thuế 2006<sup>(5)</sup> và Điều 4 Mục III Phần E Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 24/6/2007 của Bộ Tài chính.

*Trách nhiệm các tồn tại, sai sót nêu trên thuộc về:*

+ *Chủ tịch UBND thành phố trong việc cho phép kéo dài thời hạn nộp và đồng ý không tính tiền phạt nộp chậm tiền sử dụng đất sai thẩm quyền. Tuy nhiên, Thanh tra Chính phủ đã kết luận và kiến nghị xử lý tại Kết luận thanh tra số 2852/KL-TTCTP ngày 02/11/2012 do đó không kiến nghị xử lý đối với nội dung sai phạm này.*

+ *Sở Tài nguyên và Môi trường (cũ) trong việc tham mưu cấp GCNQSD đất với thời hạn sử dụng đất lâu dài; không tiến hành ký hợp đồng thuê đất với Công ty HTKCN Đà Nẵng.*

+ *Hội đồng định giá đất thành phố, Sở Tài chính trong việc tham mưu xác định, đề xuất giá đất để thu tiền sử dụng đất.*

+ *Cục Thuế thành phố trong việc không tính và thu tiền thuê đất của Công ty HTKCN Đà Nẵng.*

+ *Công ty DMT trong việc tham mưu điều chỉnh diện tích đất quy hoạch cây xanh không đúng theo quy định; để các doanh nghiệp không chấp hành nghiêm các quy định về môi trường, chưa lập thủ tục đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.*

## **2. Đối với 11 doanh nghiệp quản lý, sử dụng đất**

- Một số đơn vị (06/11 doanh nghiệp) sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất từ lâu dài sang thời hạn sử dụng đất 50 năm.

- Công ty Cổ phần xây lắp điện và cơ khí mạ Đà Nẵng còn nợ phí sử dụng hạ tầng với tổng số tiền là 138.715.367 đồng. Một số doanh nghiệp không nộp phí sử dụng hạ tầng.

- Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án của một số doanh nghiệp chưa tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng như: Xây dựng ngoài giấy phép (Công ty Cổ phần Xây lắp điện và cơ khí mạ Đà Nẵng; Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Khatoco tại Đà Nẵng); xây dựng không có giấy phép (Công ty Cổ phần Nga Tuấn, Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng Dinco, Công ty TNHH Thanh Phú, Công ty Cổ phần Kho vận Liên Chiểu Xanh; Công ty TNHH MTV bê tông Dufago).

<sup>(5)</sup> Điều 67. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính xóa nợ tiền thuế, tiền phạt đối với các trường hợp theo quy định tại Điều 65 của Luật này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Quốc hội số tiền thuế, tiền phạt đã được xóa hàng năm khi Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách nhà nước.



- Các đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCNTV đa số không có hồ sơ môi trường, không có hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy.

*Trách nhiệm các tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc về:*

+ Công ty DMT trong việc: *Quản lý các doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng; tuân thủ các quy định về môi trường, PCCC.*

+ Các doanh nghiệp sử dụng đất trong việc: *Chuyển mục đích sử dụng đất; chậm nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; nộp phí sử dụng hạ tầng; chấp hành các quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng dự án; chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, PCCC.*

## **D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

### **1. Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố**

CCNTV nằm trong khu vực điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất từ năm 2021 theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và được điều chỉnh tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 và Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng. Do đó, kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố tăng cường chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan bên cạnh nguồn ngân sách thành phố, tập trung đẩy mạnh việc huy động, khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án theo đúng quy hoạch được duyệt nhằm tạo cơ sở hạ tầng thiết yếu làm động lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố; tăng hiệu quả sử dụng đất thuộc CCNTV; đồng thời có phương án hỗ trợ, đảm bảo việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phải đi đôi khi triển khai quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất của CCNTV.

### **2. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc tham mưu cấp GCNQSD đất với thời hạn sử dụng đất lâu dài và đã không chấp hành việc ký hợp đồng thuê đất với Công ty HTKCN Đà Nẵng theo chỉ đạo của thành phố.

- Trong thời gian CCNTV chưa triển khai quy hoạch điều chỉnh, Sở cần tăng cường thực hiện công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường; hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc lập hồ sơ thủ tục môi trường theo quy định.

- Kiểm tra và xử lý theo quy định đối với trường hợp Công ty TNHH MTV Bê tông Dufago (thuê lại lô đất C-20 tại CCNTV của Công ty Dinco) sử dụng diện tích 7.298m<sup>2</sup> để làm bãi tập kết vật liệu ngoài diện tích đất đã thuê.

### **3. Đối với Sở Xây dựng**

Trong thời gian CCNTV chưa triển khai quy hoạch điều chỉnh, Sở chỉ đạo các phòng, ban có liên quan yêu cầu các đơn vị đầu tư xây dựng các dự án tại CCNTV báo cáo, cung cấp hồ sơ và kiểm định lại đối với các dự án đầu tư xây dựng (*được phân cấp theo thẩm quyền*) chưa được cấp phép nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **4. Đối với Sở Tài chính**

Sở Tài chính nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc tham mưu UBND thành phố trong công tác thẩm định và đề xuất phương án giá đất tại dự án CCNTV, tránh để xảy ra tồn tại sai sót như kết quả thanh tra đã nêu.

### **5. Đối với UBND phường Liên Chiêu**

Trong thời gian CCNTV chưa triển khai quy hoạch điều chỉnh:

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra hiện trạng các công trình hạ tầng trong CCNTV, kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định về đất đai, trật tự xây dựng.

- UBND phường chỉ đạo các phòng, ban có liên quan yêu cầu các đơn vị đầu tư xây dựng các dự án tại CCNTV báo cáo, cung cấp hồ sơ và kiểm định lại đối với các dự án đầu tư xây dựng (*được phân cấp theo thẩm quyền*) chưa được cấp phép xây dựng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi, đôn đốc Chủ đầu tư CCNTV có phương án khắc phục những tồn tại của hạ tầng dùng chung để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được thuận lợi, an toàn.

### **6. Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung**

- Nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc tham mưu điều chỉnh diện tích đất quy hoạch cây xanh không đúng theo quy định; để các doanh nghiệp không chấp hành nghiêm các quy định về môi trường; quản lý các doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng; tuân thủ các quy định về môi trường, PCCC. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư các dự án trong thời gian tới tránh không để xảy ra các tồn tại, sai phạm như kết quả thanh tra đã nêu.

- Thực hiện và đôn đốc các đơn vị thuê đất tại CCNTV thực hiện điều chỉnh thời gian sử dụng đất tại các GCNQSD đất theo đúng quy định.

- Trong thời gian CCNTV chưa triển khai quy hoạch điều chỉnh, đôn đốc các doanh nghiệp sử dụng đất chấp hành việc nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; nộp phí sử dụng hạ tầng; chấp hành các quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng dự án; chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, PCCC...

### **7. Đối với các doanh nghiệp sử dụng đất**

- Nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, thiếu sót trong quá trình thuê đất, sử dụng đất, đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên đất và bảo vệ môi trường, PCCC trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như kết quả thanh tra đã nêu.

- Trong thời gian CCNTV chưa triển khai quy hoạch điều chỉnh, yêu cầu các doanh nghiệp sử dụng đất tại CCNTV chấp hành tốt các quy định về quản lý, sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính với Ngân sách nhà nước, môi trường, PCCC... đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

## **E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**



1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra, căn cứ nội dung trong Kết luận thanh tra, người đại diện theo pháp luật của 12 doanh nghiệp (*Công ty Cổ phần Xây lắp điện và cơ khí mạ Đà Nẵng; Công ty TNHH MTV Giấy Rạng Đông; Chi nhánh Công ty Khataco tại Đà Nẵng; Doanh nghiệp tư nhân Hùng Thúy; Công ty Cổ phần Nga Tuấn; Công ty TNHH MTV Lê Phong Hưng Phú; Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco; Chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất và Kinh doanh Đức Việt; Công ty Cổ phần kho vận Liên Chiểu Xanh; Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương; Công ty TNHH Thanh Phú; Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung*) và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến nội dung kết luận thanh tra triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản) về Thanh tra thành phố Đà Nẵng.

2. Giao Phòng Giám sát, kiểm tra, thẩm định và xử lý sau thanh tra (thuộc Thanh tra thành phố Đà Nẵng) theo dõi, đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị, văn bản chỉ đạo thực hiện Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TTCP, Cục II – TTCP;
- UBND thành phố (b/c);
- UBKT, Ban Nội chính thành phố (b/c);
- Các Sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, NN&MT, Công thương, Thuế TP;
- UBND phường Liên Chiểu;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung và 11 doanh nghiệp sử dụng đất (t/h);
- Phòng GS KT TD&XLSTT;
- Lưu: VT, TT1, Đoàn TTr.

**CHÁNH THANH TRA**



**Trần Thắng Lợi**



## PHỤ LỤC

**Tình hình quản lý, sử dụng đất tại CCN Thanh Vinh**  
(Kèm theo Kết luận số 1805/KL-TTTP ngày 24/12/2025)

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                                                                       | Lô  | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                    | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------|----------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 1       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                         | A-1 | 4.420        | HĐ công chứng<br>số 14118 ngày<br>08/12/2009 | 2.267.018.000 | AG 258682 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 2       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                         | A-2 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 14120 ngày<br>08/12/2009 | 2.590.145.000 | AG 258675 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 3       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                         | A-3 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9215 ngày<br>08/9/2008   | 2.458.728.850 | AG 258676 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 4       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                         | A-4 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9220 ngày<br>08/9/2008   | 2.458.728.850 | AG 258677 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 5       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                         | A-5 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9219 ngày<br>08/9/2008   | 2.458.728.850 | AG 258678 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 6       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                         | A-6 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9221 ngày<br>08/9/2009   | 2.458.728.850 | AG 258679 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 7       | Công ty Cổ phần Chế<br>tạo máy DZĩ An (Công<br>ty Cổ phần thép Dana<br>- Ý đang sử dụng) | A-7 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 3124 ngày<br>31/7/2008   | 3.847.478.850 | AG 258680 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |



| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                | Lô   | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                   | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|-----------------------------------|------|--------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 8       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý  | A-8  | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 5787 ngày<br>26/12/2009 | 2.590.145.000 | AG 258681 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 9       | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý  | A-9  | 4.420        | HĐ công chứng<br>số 5786 ngày<br>26/12/2009 | 2.267.018.000 | AG 258673 ngày<br>27/12/2006 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 10      | Doanh nghiệp tư nhân<br>Hùng Thuý | A-10 | 4.413        | HĐ công chứng<br>số 5371 ngày<br>26/06/2009 | 2.634.018.200 | AM 393774 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Cho thuê<br>Nhà<br>xưởng      | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 11      | Công ty TNHH Thanh<br>Phú         | A-11 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 8160 ngày<br>01/08/2008 | 2.458.728.850 | AM 393773 ngày<br>25/06/2008 | Nhà kho                            | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 12      | Công ty TNHH Thanh<br>Phú         | A-12 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 8159 ngày<br>01/08/2009 | 2.458.728.850 | AM 393772 ngày<br>25/06/2008 | Nhà kho                            | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 13      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý  | A-13 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9222 ngày<br>08/09/2008 | 2.180.978.850 | AM 393771 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 14      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý  | A-14 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9218 ngày<br>08/09/2008 | 2.180.978.850 | AM 393770 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 15      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý  | A-15 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9217 ngày<br>08/09/2008 | 2.180.978.850 | AM 393769 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                                                                                                          | Lô   | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                                                                     | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 16      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                                                            | A-16 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 9216 ngày<br>08/09/2008                                                   | 2.180.978.850 | AM 393768 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 17      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                                                            | A-17 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 14121 ngày<br>08/12/2009                                                  | 2.590.145.000 | AM 393767 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 18      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                                                                                            | A-18 | 4.299        | HĐ công chứng<br>số 14119 ngày<br>08/12/2009                                                  | 2.204.957.100 | AM 393766 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 19      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng Sài Gòn ( <b>Công ty<br/>CP thực phẩm dinh<br/>dưỡng Nutifood Bình<br/>Dương đang sử dụng</b> ) | B-1  | 4.420        | Hợp đồng chuyển<br>nhượng quyền sử<br>dụng đất số<br>26/2010/HĐ/CCN<br>TVMR ngày<br>09/7/2010 | 3.239.418.000 | AG 258683 ngày<br>27/12/2006 | Chưa đầu tư<br>sản xuất            |                               | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 20      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng Sài Gòn ( <b>Công ty<br/>CP thực phẩm dinh<br/>dưỡng Nutifood Bình<br/>Dương đang sử dụng</b> ) | B-2  | 5.050        | Hợp đồng chuyển<br>nhượng quyền sử<br>dụng đất số<br>26/2010/HĐ/CCN<br>TVMR ngày<br>09/7/2010 | 3.701.145.000 | AG 258690 ngày<br>27/12/2006 | Chưa đầu tư<br>sản xuất            |                               | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 21      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng Sài Gòn ( <b>Công ty<br/>CP kho vận Liên</b> )                                                  | B-3  | 5.050        | Hợp đồng chuyển<br>nhượng quyền sử<br>dụng đất số                                             | 3.701.145.000 | AG 258689                    | Nhà xưởng cho<br>thuê              | Chưa cho<br>thuê              | Đã chuyển<br>50 năm                     |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                                                                                        | Lô  | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                                                                     | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động                                                             | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|         | <b>Chiểu Xanh đang sử dụng)</b>                                                                           |     |              | 26/2010/HĐ/CCN<br>TVMR ngày<br>09/7/2010                                                      |               |                              |                                    |                                                                                           |                                         |
| 22      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng Sài Gòn ( <b>Công ty<br/>CP kho vận Liên<br/>Chiểu Xanh đang sử<br/>dụng)</b> | B-4 | 5.050        | Hợp đồng chuyển<br>nhượng quyền sử<br>dụng đất số<br>26/2010/HĐ/CCN<br>TVMR ngày<br>09/7/2010 | 3.701.145.000 | AG 258688 ngày<br>27/12/2006 | Nhà xưởng cho<br>thuê              | Công ty<br>TNHH<br>Jayie Việt<br>Nam thuê<br>hoạt động<br>sản xuất<br>thảm vải<br>lót sàn | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 23      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng Sài Gòn ( <b>Công ty<br/>CP kho vận Liên<br/>Chiểu Xanh đang sử<br/>dụng)</b> | B-5 | 5.050        | Hợp đồng chuyển<br>nhượng quyền sử<br>dụng đất số<br>26/2010/HĐ/CCN<br>TVMR ngày<br>09/7/2010 | 3.701.145.000 | AG 258687 ngày<br>27/12/2006 | Nhà xưởng cho<br>thuê              | Công ty<br>TNHH<br>Jayie Việt<br>Nam thuê<br>hoạt động<br>sản xuất<br>thảm vải<br>lót sàn | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 24      | Trịnh Mạnh Tuấn và<br>Trần Thị Xuân ( <b>Công<br/>ty TNHH Khatoco<br/>đang sử dụng)</b>                   | B-6 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 10401 ngày<br>25/07/2008                                                  | 3.847.478.850 | AG 258686 ngày<br>27/12/2006 | Kho hàng hoá                       | Đang hoạt<br>động                                                                         | Đã chuyển<br>50 năm                     |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                                    | Lô   | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                     | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng        | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|-------------------------------------------------------|------|--------------|-----------------------------------------------|---------------|------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 25      | Chưa cho thuê                                         | B-7  | 5.050        |                                               |               | AG 258685 ngày<br>27/12/2006 |                                           |                               | Lâu dài                                 |
| 26      |                                                       | B-8  | 5.050        |                                               |               | AG 258684 ngày<br>27/12/2006 |                                           |                               | Lâu dài                                 |
| 27      |                                                       | B-9  | 4.394        |                                               |               | AG 258691 ngày<br>27/12/2006 |                                           |                               | Lâu dài                                 |
| 28      | Công ty Cổ phần Xây<br>lắp điện Đà Nẵng.              | B-10 | 4.231        | HĐ công chứng<br>số 14802 ngày<br>29/12/2009  | 3.100.899.900 | BA 599011 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí mạ và trụ<br>điện BTLT | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 29      | Công ty Cổ phần Xây<br>lắp điện Đà Nẵng.              | B-11 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 303 ngày<br>29/12/2009dsa | 3.701.145.000 | BA 599012 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí mạ và trụ<br>điện BTLT | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 30      | Công ty Cổ phần thép<br>Thái Bình Dương               | B-12 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 1063 ngày<br>17/03/2010   | 3.701.145.000 | BA 599013 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép                   | Ngừng<br>hoạt động            | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 31      | Công ty Cổ phần thép<br>Thái Bình Dương               | B-13 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 1064 ngày<br>17/03/2010   | 3.701.145.000 | BA 599014 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép                   | Ngừng<br>hoạt động            | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 32      | Công ty Cổ phần Sản<br>xuất và Kinh doanh<br>Đức Việt | B-14 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 126 ngày<br>17/01/2009    | 3.014.228.850 | AM 393775 ngày<br>25/06/2008 | Kho hàng hoá                              | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 33      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                      | B-15 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 2182 ngày<br>22/03/2011   | 3.297.650.000 | BA 599015 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép                   | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất               | Lô   | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                   | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|----------------------------------|------|--------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 34      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | B-16 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 2180 ngày<br>22/03/2011 | 3.297.650.000 | BA 599016 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 35      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | B-17 | 5.050        | HĐ công chứng<br>số 2183 ngày<br>22/03/2011 | 3.297.650.000 | BA 599017 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 36      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | B-18 | 4.412        | HĐ công chứng<br>số 2181 ngày<br>22/03/2011 | 2.881.036.000 | BA 599018 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 37      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | C-1  | 3.500        | HĐ công chứng<br>số 5780 ngày<br>26/12/2009 | 1.795.150.000 | BA 599019 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 38      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | C-2  | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 5781 ngày<br>26/12/2009 | 1.723.344.000 | BA 599020 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 39      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | C-3  | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 5782 ngày<br>26/12/2009 | 1.723.344.000 | BA 599022 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |
| 40      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý | C-4  | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 5784 ngày<br>26/12/2009 | 1.723.344.000 | BA 599021 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                      | Lô   | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                   | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động                                    | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|-----------------------------------------|------|--------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 41      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý        | C-5  | 3.500        | HĐ công chứng<br>số 5785 ngày<br>26/12/2009 | 1.795.150.000 | BA 599023 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                                               | Lâu dài                                 |
| 42      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý        | C-6  | 3.500        | HĐ công chứng<br>số 5825 ngày<br>29/12/2009 | 1.795.150.000 | AM 393789 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                                               | Lâu dài                                 |
| 43      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý        | C-7  | 3.500        | HĐ công chứng<br>số 5824 ngày<br>29/12/2009 | 1.795.150.000 | AM 393788 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                                               | Lâu dài                                 |
| 44      | Công ty TNHH Tuyết<br>Xuân              | C-8A | 1.166,67     | HĐ công chứng<br>số 4124 ngày<br>23/09/2009 | 632.207.896   | AP 981183 ngày<br>18/09/2009 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                                               | Đã chuyển<br>50 năm                     |
| 45      | Công ty TNHH MTV<br>Lê Phong Hưng Phú   | C-8B | 1.166,67     | HĐ công chứng<br>số 4126 ngày<br>23/09/2009 | 632.207.896   | AP 981184 ngày<br>18/09/2009 | Sản xuất các<br>vật liệu cao su    | Công ty<br>TNHH<br>MTV<br>Hưng Phú<br>Phong<br>đang hoạt<br>động | Lâu dài                                 |
| 46      | Công ty TNHH Sản<br>xuất Giấy Rạng Đông | C-8C | 1.166,67     | HĐ công chứng<br>số 4125 ngày<br>23/09/2009 | 632.207.896   | AP 981185 ngày<br>19/09/2009 | Sản xuất giấy                      | Cho thuê<br>nhà<br>xưởng                                         | Đã chuyển<br>50 năm                     |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất           | Lô   | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                         | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động           | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất)                                                                      |
|---------|------------------------------|------|--------------|---------------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 47      | Công ty Cổ phần Nga<br>Tuân  | C-9  | 3.500        | HĐ công chứng<br>số 630 ngày<br>16/03/2009        | 1.842.382.500 | AM 393786 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Cho thuê<br>xưởng và<br>lâm kho<br>thép | Lâu dài                                                                                                      |
| 48      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-10 | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 1569 ngày<br>14/05/2009       | 1.820.706.720 | AM 393785 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      | Đã điều<br>chỉnh 01<br>GCN số<br>BA599589<br>cấp ngày<br>05/3/2010<br>Thời hạn<br>sử dụng<br>đất: Lâu<br>dài |
| 49      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-11 | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 1567 ngày<br>14/05/2009       | 1.820.706.720 | AM 393784 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      |                                                                                                              |
| 50      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-12 | 3.360        | Hợp đồng công<br>chứng số 1570<br>ngày 14/05/2009 | 1.820.706.720 | AM 393783 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      |                                                                                                              |
| 51      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-13 | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 1568 ngày<br>14/05/2009       | 1.820.706.720 | AM 393782 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      |                                                                                                              |
| 52      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-14 | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 10347 ngày<br>14/10/2008      | 1.820.706.720 | AM 393781 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      |                                                                                                              |
| 53      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-15 | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 10339 ngày<br>14/10/2008      | 1.820.706.720 | AM 393780 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      |                                                                                                              |
| 54      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng | C-16 | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 10348 ngày<br>14/10/2008      | 1.820.706.720 | AM 393779 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động                      |                                                                                                              |

| S<br>TT | Đơn vị sử dụng đất                                   | Lô                                  | Diện<br>tích | Hợp đồng<br>chuyển nhượng                    | Giá trị       | Giấy chứng nhận<br>QSD đất   | Ngành nghề,<br>mục đích sử<br>dụng | Tình<br>trạng<br>hoạt<br>động | Ghi chú<br>(Thời hạn<br>sử dụng<br>đất) |
|---------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------|----------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 55      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng                         | C-17                                | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 10345 ngày<br>14/10/2008 | 1.820.706.720 | AM 393778 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            |                                         |
| 56      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng                         | C-18                                | 3.360        | HĐ công chứng<br>số 10338 ngày<br>14/10/2008 | 1.820.706.720 | AM 393777 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            |                                         |
| 57      | Công ty Cổ phần Xuân<br>Hưng                         | C-19                                | 3.806        | HĐ công chứng<br>số 10346 ngày<br>14/10/2008 | 2.062.383.862 | AM 393776 ngày<br>25/06/2008 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            |                                         |
| 58      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng và Đầu tư Đà<br>Nẵng C.T | C-20                                | 4.526        | HĐ công chứng<br>số 5773 ngày<br>26/12/2009  | 2.072.455.400 | BA 599026 ngày<br>25/12/2009 | Kho thiết bị<br>xây dựng           | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 59      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng và Đầu tư Đà<br>Nẵng C.T | C-21                                | 4.570        | HĐ công chứng<br>số 5772 ngày<br>26/12/2009  | 2.092.603.000 | BA 599025 ngày<br>25/12/2009 | Kho thiết bị<br>xây dựng           | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 60      | Công ty Cổ phần Xây<br>dựng và Đầu tư Đà<br>Nẵng C.T | C-22                                | 4.439        | HĐ công chứng<br>số 5771 ngày<br>26/12/2009  | 2.032.618.100 | BA 599024 ngày<br>25/12/2009 | Sản xuất bê<br>tông thương<br>phẩm | Đang hoạt<br>động             | Lâu dài                                 |
| 61      | Công ty Cổ phần thép<br>Dana - Ý                     | Thửa<br>đất<br>941,<br>TBD<br>số 19 | 15.296       | HĐ công chứng<br>số 2184 ngày<br>22/03/2011  | 9.147.008.000 | BĐ 655361 ngày<br>25/01/2011 | Sản xuất cơ<br>khí thép            | Ngừng<br>hoạt động            | Lâu dài                                 |

